Người ký: Ủy ban Nhân dân huyện Chư Pưh
Email: ubndchupuh@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 28.01.2019 10:52:20 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PƯH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 14 /QĐ-UBND	*Chư Pưh, ngày 28 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được Ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh về việc thông qua dự toán thu - chi ngân sách năm 2019; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua định mức phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán năm 2019;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Công văn số /TCKH-NS ngày 15 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019.

(kèm theo các biểu mẫu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 3;
- CT, các PCT HĐND-UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Quang Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2019 của UBND huyện)

ĐVT: TR.ĐỒNG.

STT	Chỉ tiêu thu	Dự toán tỉnh giao năm 2018	Dự toán 2019	Tăng thu	Huyện giao	Dự kiến DT 2019 so với Ước TH năm 2018
A	*B*	*2*				*4*
0	**TỔNG THU NSNN (A+B)**	**27.600**	**39.030**	**8.056**	**47.086**	**141,41**
0	*Thu NS TW hưởng*	*1.800*	*1.850*		*1.850*	**102,78**
0	*Thu NS tỉnh hưởng theo phân cấp*	*50*	*13.660*		*13.660*	**27.320**
0	*Thu NS huyện hưởng theo phân cấp*	*25.750*	*23.520*	*8.056*	*31.576*	**91,34**
A	**THU CÂN ĐỐI NSNN (I+II)**	**27.600**	**39.030**	**8.056**	**47.086**	**141,41**
I	**Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước**	**27.600**	**39.030**	**8.056**	**47.086**	**141,41**
1	**Thu từ DNNN Trung ương**	-	**200**	-	**200**	-
0	- Thuế giá trị gia tăng		200		200	
0	- Thuế thu nhập doanh nghiệp					0%
0	- Thuế tài nguyên					0%
2	**Thu từ DNNN Địa phương**					**0%**
0	- Thuế giá trị gia tăng					0%
0	- Thuế thu nhập doanh nghiệp					0%
0	- Thuế tài nguyên					0%
3	**Thu từ DN có vốn Đầu tư nước ngoài**					**0%**
0	- Thuế giá trị gia tăng					0%
0	- Thuế thu nhập doanh nghiệp					0%
4	**Thuế CTN và DV Ngoài quốc doanh**	**5.500**	**4.650**	**895**	**5.545**	**84,55**
0	- Thuế giá trị gia tăng	4.800	4.000	835	4.835	83,33
0	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	350	260		260	74,29
0	- Thuế TTĐB hàng nội địa	40		50	50	-
0	- Thuế tài nguyên	310	390	10	400	125,81
5	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**					**0%**
6	**Thuế nhà đất/Thuế sd đất phi NN**					**0%**
7	**Tiền sử dụng đất và đấu giá QSDĐ**	**9.800**	**23.000**	**7.000**	**30.000**	**234,69**
0	- Dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư và thu từ các tổ chức kinh tế		13.000		13.000	0%
0	- Dự án do ngân sách huyện đầu tư và thu từ các hộ gia đình, cá nhân	9.800	10.000	**7.000**	17.000	102,04
8	**Lệ phí trước bạ**	**2.900**	**2.800**		**2.800**	**96,55**
9	**Thu phí và lệ phí**	**1.400**	**1.140**	-	**1.140**	**81,43**
0	- Phí và lệ phí Trung ương	500	500		500	100,00
0	- Phí và lệ phí tỉnh					0%
0	- Phí và lệ phí huyện, xã	900	640		640	71,11
10	**Thuế BVMT/Phí xăng dầu**	-				**0%**
0	- Thuế BVMT đối với xăng, dầu nhập khẩu	-				0%
0	- Thuế BVMT đối với xăng, dầu nhập sản xuất trong nước					0%
11	**Thuế thu nhập cá nhân**	**4.800**	**3.750**	**105**	**3.855**	**78,13**
12	**Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước**	**400**	**540**		540	**135,00**
0	- Thuê đất từ DNNN	50	460		460	920,00
0	- Thuê đất từ DN NQD	350	80		80	22,86
13	**Thu tiền cấp quyền khai thác K.sản**					**0%**
0	- Giấy phép do Trung ương cấp					0%
0	- Giấy phép do UBND tỉnh cấp					0%

14	**Thu từ xổ số kiến thiết**					**0%**
15	**Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại**					**0%**
16	**Phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế xử lý**	**200**	**120**		**120**	**60,00**
17	**Thu khác và phạt các loại**	**2.600**	**2.830**	**56**	**2.886**	**108,85**
0	- Phạt trật tự an toàn giao thông	1.200	1.340	56	1.396	111,67
0	+ Công an tỉnh thu					0%
0	+ Thanh tra giao thông tỉnh thu					0%
0	+ Công an huyện, thị xã, thành phố thu	1.100	1.230		1.230	111,82
0	+ Cơ quan nhà nước cấp huyện và Công an xã, các lực lượng cấp xã xử lý	100	110	56	166	110,00
0	- Thu khác ngân sách và phạt các loại	1.400	1.490		1.490	106,43
	- Thu hồi qua công tác thanh tra					
II	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**					
1	Thuế xuất khẩu					
2	Thuế nhập khẩu					
3	Thuế Giá trị gia tăng					
B	**THU QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH**					
0	- Thu học phí					
0	- Tiền bán lâm sản và phương tiện tịch thu					
0	**TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ (1+2)**	**296.217**	**320.180**	**8.056**	**328.236**	108,09
1	**Thu NS huyện, thị xã, thành phố hưởng theo phân cấp**	**25.750**	**23.520**	**8.056**	**31.576**	91,34
2	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh**	**270.467**	**296.660**		**296.660**	109,68
a	- Bổ sung cân đối	222.623	224.469		**224.469**	100,83
b	- Bổ sung để thực hiện các chính sách tiền lương	10.308	21.674		**21.674**	210,26
c	- Bổ sung có mục tiêu	37.536	50.517		**50.517**	134,58

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán 2018		Dự toán 2019		Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao	Tỉnh giao	Huyện giao	
	TỔNG CHI	**296.217**	**316.526**	**320.180**	**328.236**	
A	**CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN**	**21.740**	**38.940**	**21.832**	**28.832**	Có bảng chi tiết kèm theo
I	**Nguồn vốn Tỉnh phân cấp**	11.800	11.800	11.800	11.800	
II	**Nguồn tiền sử dụng đất**	9.800	27.000	10.000	17.000	
III	**Chi 30% thu tiền thuê đất chuyển về tỉnh**	140	140	32	32	
B	**CHI THƯỜNG XUYÊN**	**265.905**	**266.064**	**289.104**	**289.104**	
I	**Sự nghiệp kinh tế**	**4.100**	**9.933**	**3.750**	**8.214**	
1	Sự nghiệp nông nghiệp		786		717	Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng: 225 triệu đồng; Trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ: 100 triệu đồng; Đánh giá phân loại cơ cở SXKD vật tư NN: 20 triệu đồng; hỗ trợ phát triển đất Ia Bia: 322 triệu đồng; kinh phí thông tin tuyên truyền: 50 triệu đồng.
2	Kinh phí đối ứng thực hiện đề án của phòng NN và PTNT				1.000	Trong đó có bố trí từ sự nghiệp KHCN tỉnh cấp mục tiêu 350 triệu đồng.
2	Chương trình tái canh cây cà phê		300		245	
3	Sự nghiệp định canh định cư		159		171	
4	Sự nghiệp lưu trữ (03 biên chế)		245		235	
6	Sự nghiệp khuyến nông		782		581	Chi con người: 339 triệu đồng; chi sự nghiệp khuyến nông: 242 triệu đồng.
7	Sự nghiệp giao thông					
-	BCĐ an toàn giao thông		80		80	Cấp qua phòng Kinh tế hạ tầng.
8	Sự nghiệp Môi trường	3.750	7.231	3.750	5.185	Tổng chi 3.816 triệu đồng (trong đó lương, chi thường xuyên: 2.359 triệu đồng; các nhiệm vụ chi khác: 1.457 triệu đồng). Trừ thu 631 triệu đồng, Còn lại huyện cấp 3.185 triệu đồng. Kinh phí kiến thiết thị chính, vỉa hè: 2.000 triệu đồng.
9	Sự nghiệp khoa học công nghệ	350	350		-	
II	**Kiến thiết thị chính**	**-**	**3.610**	**4.000**	**4.000**	
1	Kinh phí kiến thiết đô thị		3.610	4.000	4.000	(Cây xanh, vỉa hè, giếng nước..)
III	**Sự nghiệp văn xã**	**158.994**	**164.869**	**178.430**	**183.436**	
1	**Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo**	**150.412**	**150.662**	**167.564**	**167.564**	
-	Chi cấp I, cấp II, mẫu giáo		111.818		113.413	
-	Kinh phí bồi dưỡng học sinh (người địa phương), cấp 3 có học lực yếu		80		80	
-	Chi trung tâm bồi dưỡng chính trị		1.453		1.131	Chi con người 543,94 triệu đồng; Chi mở lớp: 586,98 triệu đồng.
-	Chi hội cựu giáo chức		50			
-	Chi hội khuyến học		50			

TT	Nội dung	Dự toán 2018		Dự toán 2019		Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao	Tỉnh giao	Huyện giao	
-	Phần mềm quản lý trường học		630		630	
-	Chi hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng		225		225	Cấp về xã, thị trấn
-	Chi công tác phổ cập các cấp ở các xã, thị trấn		315		408	Cấp về xã, thị trấn
-	Chi trung tâm giáo dục TX		1.068		1.121	Chi con người (7 người): 777 triệu đồng; chi mở lớp: 344 triệu đồng.
-	Chi công tác đào tạo cán bộ		100		100	
-	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em học mẫu giáo 3,4, 5 tuổi	4.894	4.894	6.853	6.853	
-	Hỗ trợ học sinh và trường PT ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo nghị định 116	1.263	1.263	1.589	1.589	
-	Kinh phí chi trả học bổng và mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTB&XH	229	229	455	455	
-	Hỗ trợ chi phí học tập theo QĐ 66/2013/QĐ-TTg	172	172	183	183	
-	Hỗ trợ học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg	131	131	962	962	
-	Cấp bù miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	7.471	7.471	12.953	12.953	
-	Chênh lệch học bổng học sinh dân tộc Nội trú theo Thông tư liên tịch số 43/2007/TTLT-BTC-BGDĐT	260	260	516	516	
-	Hỗ trợ phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em (hỗ trợ trang bị bể bơi thông minh cho các trường học)	1.350	1.350		-	
-	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, dụng cụ dạy học cho các trường mầm non, tiểu học, THCS	4.300	4.300	4.300	4.300	
-	Hỗ trợ kinh phí trang bị hệ thống nước sạch cho các trường học	-	-	1.000	1.000	
-	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương		4.131		4.131	Tỉnh chưa giao tiết kiệm, tạm tính bằng mức 2018
-	Kinh phí Trường THCS Dân tộc nội trú		7.171		7.995	
-	Dự trù kinh phí chi tăng giờ và chi các nội dung phát sinh khác				2.000	
-	Kinh phí chi khác phòng GD-ĐT				2.232	
-	Bố trí cho phòng Giáo dục-ĐT chi trả tạm ứng mua sắm thiết bị năm 2014				1.500	
	Trả nợ xây dựng trường Phan Chu Trinh, trường Trần Phú		2.252		1.787	
	Chi sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất		1.250		2.000	
2	**Sự nghiệp Y tế**		**1.973**	**-**	**1.840**	

TT	Nội dung	Dự toán 2018		Dự toán 2019		Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao	Tỉnh giao	Huyện giao	
-	Trung tâm dân số		1.605		1.447	Chi con người: 1.089 triệu đồng; Bao gồm cả mục tiêu: hỗ trợ kinh phí phụ nữ hộ nghèo..: 18 triệu đồng; hỗ trợ công tác dân số KHHGĐ: 139 triệu đồng; Phụ cấp cộng tác viên (150.000đ/CTV x 49 CTV thuộc thôn, làng vùng đặt biệt khó khăn; 100.000đ/CTV x 44 CTV thuộc thôn, làng không khó khăn. Tổng: 11.750.000đ/ tháng x 12 tháng): 141 triệu đồng; Hỗ trợ công tác tuyên truyền chính sách dân số KHHGĐ: 10 triệu đồng; Tổ chức chăm sóc sức khỏe sinh sản KHHGĐ: 10 triệu đồng; Hỗ trợ phụ nữ là người DTTS sinh con đúng chính sách: 18 triệu đồng; Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho DS - KHHGĐ: 10 triệu đồng; Hỗ trợ công tác tuyên truyền chính sách mất cân bằng giới tính (Có bản phê duyệt kế hoạch MCBGTKS của huyện): 30 triệu đồng.
-	Hội Chữ thập đỏ		368		393	Chi con người: 351 triệu đồng; chi ban chỉ đạo hiến máu: 12 triệu đồng; chi công tác tuyên truyền hiến máu tình nguyện: 30 triệu đồng.
3	**Sự nghiệp VHTT**		**1.501**		**1.368**	Chi con người: 863 triệu đồng; Đội thông tin lưu động: 100 triệu đồng; Tuyên truyền các ngày lễ lớn (có bố trí hợp đồng tuyên truyền trên tạp chí, báo đài): 100 triệu đồng; Tham gia hội thi TTLĐ tỉnh GL: 30 triệu đồng; Tuyên truyền ATGT: 10 triệu đồng; làm mới panô tuyên truyền trên các trục đường: 30 triệu đồng; tổ chức hội thi văn hóa công chiêng: 55 triệu đồng; Tuyên truyền trực quan kỷ niệm 10 năm thành lập huyện: 30 triệu; Biên soạn sách "văn hóa truyền thống Jrai, Bana":150 triệu đồng.
4	**Sự nghiệp TDTT**		**469**		**279**	Chi con người: 84 triệu đồng; Hội thao mừng Đảng, mừng xuân: 50 triệu đồng; Chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân: 20 triệu đồng; Tổ chức giải bóng đá thiếu niên nhi đồng: 20 triệu đồng; Mội thao kỷ niệm 10 năm thành lập huyện: 50 triệu đồng; Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số: 20 triệu đồng; Tham gia giải bóng đá thiếu niên nhi đồng toàn tỉnh: 15 triệu đồng; Tham gia giải võ cổ truyền toàn tỉnh: 20 triệu đồng.
5	**Sự nghiệp đảm bảo xã hội**	**8.582**	**9.172**	**10.866**	**11.306**	Thăm hỏi gia đình chính sách: 50 triệu đồng; Bảo trợ xã hội khác: 70 triệu đồng; tổ chức ngày quốc tế thiếu nhi:40 triệu đồng; tháng hành động an toàn lao động: 15 triệu đồng; Rà soát lao động nông thôn: 15 triệu đồng; Tổ chức trung thu: 40 triệu đồng; Tập huấn công tác trẻ em: 10 triệu đồng; vận chuyển bốc vác gạo cứu đói: 20 triệu đồng; tháng hành động bình đẳng giới: 10 triệu đồng; tập huấn cán bộ thôn, làng về CS BTXH, CS mới: 10 triệu đồng; Điều tra cung cầu lao động: 10 triệu đồng; điều tra rà soát hộ nghèo: 80 triệu đồng; lập danh sách in ấn, in thẻ BHYT: 10 triệu đồng; Tổ chức diễn đàn trẻ em: 20 triệu đồng; Hoạt động ban liên lạc tù chính trị: 10 triệu đồng; Dâng hương tại Đài tưởng niệm Liệt sỹ huyện: 10 triệu đồng; Hội thi giảm nghèo: 20 triệu đồng; Đảm bảo xã hội tỉnh cấp mục tiêu: 10.866 triệu đồng.
6	**Chi truyền thanh truyền hình**		**1.092**		**1.079**	Chi con người: 427 triệu đồng; Kinh phí sửa chữa các cụm loa và máy phát FM cho các xã, thị trấn theo văn bản chỉ đạo số 117/TB-VP, ngày 26 tháng 4 năm 2016 của UBND: 150 triệu đồng; Kinh phí chi cho công tác tác nghiệp (có cả làm chuyên mục truyền hình): 200 triệu đồng; Kinh phí chi trả tiền điện phát sóng phát thanh, truyền hình theo giá mới của ngành điện: 35 triệu đồng; Kinh phí chi trả tiền phát chuyên mục truyền hình cho Đài tỉnh (theo công văn số 99/PT-TH ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Đài PT – TH tỉnh): 30 triệu đồng; Kinh phí chi trả thù lao cho phát thanh viên, biên dịch viên tin, bài, phóng sự sang tiếng Jrai để phát trên sóng Đài huyện (02 lần/tuần theo kết luận số 04-KL/BCĐ ngày 01/8/2018 của đồng chí Bí thư Huyện ủy tại Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2018 về đấu tranh chống âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa: 12 triệu đồng.
IV	**Chi quản lý hành chính**	**-**	**20.184**	**-**	**21.425**	
1	Quản lý nhà nước		10.221		10.687	
2	Khối Đảng		4.505		5.274	
3	Khối Đoàn thể		3.509		3.822	
4	Chi hoạt động HĐND huyện		1.950		1.642	308
V	**Một số nhiệm vụ chi khác**	**2.122**	**16.085**	**380**	**15.661**	
01	Văn phòng điều phối nông thôn mới		100		70	Cấp về phòng NN và PTNT

TT	Nội dung	Dự toán 2018		Dự toán 2019		Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao	Tỉnh giao	Huyện giao	
2	Các nhiệm vụ chi phòng NN và PTNT		118		272	Ban chỉ đạo phòng chống hạn và Tổ điều tiết nước: 50 triệu đồng; công tác kiểm tra liên ngành vật tư NN: 30 triệu đồng; Điều tra thu thập số liệu báo cáo chỉ số nước sạch và VSMT: 18 triệu đồng; Kinh phí tổ chức phiên chợ nông sản: 54 triệu đồng; Xây dựng mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ thực phẩm nông sản 5 làng xây dựng NTM: 120 triệu đồng.
03	Hỗ trợ liên đoàn lao động		25		-	
04	Phòng Kinh tế HT		170		240	Kiểm tra an toàn thực phẩm: 5 triệu đồng; Lễ phát động ATGT: 15 triệu đồng; Làm mới biển báo ATGT: 150 triệu đồng; Cắm mốc công khai điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Nhơn Hòa: 70 triệu đồng.
05	Phòng Y tế		120		120	Khám tuyển nghĩa vụ quân sự: 70 triệu đồng; Tổ chức lễ phát động vệ sinh ATTP, đoàn kiểm tra liên ngành: 50 triệu đồng.
06	Huyện đoàn		255		285	Tổ chức Hội thi Chỉ huy đội giỏi năm 2019: 10 triệu đồng; Tổ chức hoạt động hè TTN, học sinh, sinh viên và chiến dịch thanh niên tình nguyện hè năm 2019: 30 triệu đồng; Tổ chức Hội thi Tin học trẻ huyện Chư Pưh lần thứ VI năm 2019 và tham gia Hội thi Tin học trẻ tỉnh Gia Lai lần thứ XIX: 25 triệu đồng; Tham gia trại hè thiếu nhi tỉnh Gia Lai năm 2019 (30 người): 20 triệu đồng; Tham gia Hội thi "Tiếng hát học sinh – sinh viên" toàn tỉnh lần thứ II, năm 2019: 10 triệu đồng; Tham gia trại huấn luyện cán bộ Đoàn trường học năm học 2018 – 2019 (30 người): 15 triệu đồng; Tổ chức các hoạt động "Tháng thanh niên" năm 2019: 10 triệu đồng; Tham gia Liên hoan Cồng chiêng thanh thiếu niên toàn tỉnh lần thứ 4, năm 2019: 15 triệu đồng; Tham gia Hội thi "Học sinh dân tộc thiểu số với an toàn giao thông" cấp tỉnh năm 2019: 10 triệu đồng; Tổ chức Liên hoan các Đội tuyên truyền măng non năm 2019 với chủ đề "Phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước cho trẻ em" cấp huyện và tham gia cấp tỉnh: 20 triệu đồng; Tổ chức Hội thi "Chúng em kể chuyện Bác Hồ" cấp huyện và tham gia cấp tỉnh năm 2019: 10 triệu đồng; Giám sát, phản biện xã hội: 10 triệu đồng; Đại hội Hội LHTN huyện Chư Pưh lần thứ III – nhiệm kỳ 2019 – 2024 (200 đại biểu x 2 ngày): 80 triệu đồng; Giao ban cum thi đua số 2 06 tháng đầu năm 2019: 10 triệu đồng; Tham gia Hội thi "Thắp sáng ước mơ Tuổi trẻ Gia Lai" năm 2019 do Tỉnh đoàn tổ chức: 10 triệu đồng.
07	Hội LHPN		221		210	Tổ chức hội thi tiếng hát hội viên phụ nữ năm 2019: 25 triệu đồng; Giao ban cụm thi đua tại huyện Phú Thiện: 10 triệu đồng; Hội thi sản phẩm truyền thông công tác hội và tham gia hội thi tỉnh tổ chức: 20 triệu đồng; Tổ chức Hoạt động "Về nguồn" tại khu căn cứ cách mạng xã Krong, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai: 10 triệu đồng; Tổ chức "Ngày Phụ nữ khởi nghiệp năm 2019 bằng hình thức Tổ chức Hội chợ giao lưu sản phẩm": 10 triệu đồng; Tổ chức chương trình "Đồng hành cùng Phụ nữ biên cương" , "Tham gia hoạt động kết nghĩa" với xã Ia Puch, huyện Chư Prông: 10 triệu đồng; Tổ chức "Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ lồng ghép sơ kết các mô hình, các chương trình gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn huyện lần thứ II ": 15 triệu đồng; Tổ chức hội thi mâm cơm gia đình ấm áp yêu thương năm 2019 nhân ngày gia đình VN 28/6:15 triệu đồng; Kinh phí tổ chức các hoạt động lớn Đề án 938 và Đề án 939: 60 triệu đồng; Kinh phí tổ chức Lễ phát động Tháng an toàn thực phẩm với chủ đề "An toàn cho phụ nữ và trẻ em": 15 triệu đồng; Tổ chức đối thoại với cấp ủy, chính quyền năm 2019: 10 triệu đồng; Hoạt động định hướng hoạt động trọng tâm năm 2019 theo văn bản 956/HPN-VP của HLHPN tỉnh": 10 triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán 2018		Dự toán 2019		Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao	Tỉnh giao	Huyện giao	
08	Văn phòng Huyện ủy		3.093		3.138	Chi cốt cán phong trào trong các tôn giáo: 125.000.000 đồng; Chi khác cho thường trực: 700.000.000 đồng; Chi theo QĐ 856 của Tỉnh uỷ: (Thay thế QĐ 1132): 503.664.000 đồng; Chi theo QĐ 169 (Phụ cấp cấp ủy): 218.400.000 đồng; Chi kinh phí cuộc vận động HT và LT TGĐĐ HCM (Ban CĐ):45.000.000 đồng; Chi Ban phát triển đảng viên và xây dựng thôn, làng có chi ủy (Ban PT đảng viên và XD thôn làng cấp ủy: gọi tắt là ban 04): 40.000.000 đồng; Chi Ban chỉ đạo Quy chế dân chủ: 35.000.000 đồng; Chi Ban chỉ đạo Chăm sóc SK, Khám chữa bệnh: 260.000.000 đồng; Phụ cấp báo cáo viên kiêm chức cấp huyện: 96.774.000 đồng; Chi công tác khen thưởng: 43.040.000 đồng; Chi Hội nghị giao ban cụm ngành TC xây dựng Đảng: 20.000.000 đồng; Chi Hội nghị giao ban công tác kiểm tra: 30.000.000 đồng; Chi Chương trình phối hợp VP UBND huyện: 15.500.000 đồng; Chi Báo cáo viên: 20.000.000 đồng; Chi Ban giải quyết đơn thư (Ủy ban kiểm tra huyện ủy): 40.000.000 đồng; Chi xăng xe, VPP phục vụ các đoàn kiểm tra của Ban thường vụ Huyện ủy (UBKT huyện ủy chủ trì): 63.680.000 đồng; Chi Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng (Ủy ban kiểm tra huyện ủy): 50.000.000 đồng; Chi Ban chỉ đạo 94 (Ban tuyên giáo): 180.000.000 đồng; Cấp kinh phí đi siu tra hồ sơ nhân sự Đại hội: 30.000.000 đồng; Cấp kinh phí hỗ trợ ban tự vệ khối huyện ủy: 10.000.000 đồng; Phụ trách làng và sơ kết, giao ban các đơn vị phụ trách làng: 25.000.000 đồng; Kinh phí chỉnh lý tài liệu theo hệ số phức tạp (Theo Hướng dẫn 27 của VP Trung ương Đảng): 50.000.000 đồng; Kinh phí kiểm tra rà soát việc thực hiện các Nghị quyết, KL của Ban chấp hành, Ban thường vụ: 30.000.000 đồng; Sửa chữa xe ô tô:(2 chiếc): 100.000.000 đồng. Giao ban An Ninh cụm giáp ranh 3 tỉnh (Gia Lai-Phú Yên-Đăk Lắk) : 60.000.000 đồng; Chi phụ cấp đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội: 66.720.000 đồng; Chi khác của các đồng chí trong ban Thường vụ Huyện ủy (Trưởng các Ban Đảng, Trưởng Công an huyện, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự): 150.000.000 đồng; Tổng kết của các Ban Đảng (4 ban): 100.000.000 đồng; Ban chỉ đạo công tác tôn giáo: 30.000.000 đồng.
09	Ủy ban MTTQVN huyện		347		497	Chi khác thường trực: 100 triệu đồng; Chi Đại Hội MT huyện: 150 triệu đồng; Chi tổ chức gặp mặt, tăng quà chức sắc, tôn giáo: 15 triệu đồng; Tổ chức ngày Hội Đại đoàn kết: 30 triệu đồng; Hội nghị kiểm tra chéo cụm thi đua số 2 (2 hội nghị): 15 triệu đồng; Phát động quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc: 10 triệu đồng; Công tác giám sát và phản biện xã hội theo QĐ 217,218 của Bộ chính trị: 15 triệu đồng; Chi sữa chữa nhà xe, hệ thống điện nhà làm việc: 50 triệu đồng; Sinh hoạt phí cán bộ không hưởng lương: 12 triệu đồng; Kinh phí Cuộc vận động "Làm theo nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững" (Năm 2019 Xây dựng Dự án hỗ trợ phát triển kinh tế chi tiết cụ thể cho các hộ nghèo ở xã): 10 triệu đồng; Hội nghị sơ kết Quy chế phối hợp với các ngành (2 Hội nghị): 10 triệu đồng; Kinh phí tập huấn Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh": 10 triệu đồng; Kinh phí Đại biểu MT huyện đi dự Đại Hội MT Tỉnh: 10 triệu đồng; Kinh phí Đại biểu đi dự Đại Hội điểm Tỉnh tại huyện Ia Grai: 10 triệu đồng; Chi sửa xe: 50 triệu đồng.
10	Hội Cựu chiến binh		75		93	Tặng kỷ niệm chương: 8 triệu đồng; Hội thi tiếng hát cựu chiến binh lần thứ 2 và ôn luyện đi thi tỉnh: 15 triệu đồng; Căn cứ lịch làm việc số 71/CTr-CCB ngày 02/01/2018 của Hội CCB tỉnh Gia Lai Tổ chức Hội thi Chi hội trưởng giỏi năm 2019: 10 triệu đồng; Tổ chức Hội nghị sơ kết 05 năm Triển khai công tác giám sát và phản biện xã hội theo Quyết định 217,218 của Bộ chính trị: 10 triệu đồng; Căn cứ lịch làm việc số 71/CTr-CCB ngày 02/01/2018 của Hội CCB tỉnh Gia Lai Tổ chức Đại hội thi đua "Cựu chiến binh gương mẫu" giai đoạn (2014-2019): 25 triệu đồng; Đi giao ban cụm và tổ chức giao lưu văn nghệ với Hội CCB tỉnh: 5 triệu đồng; Tổ chức lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Hội CCB Việt Nam và 10 năm thành lập Hội CCB Huyện Chư Pưh: 10 triệu đồng; Phát động tiếng kẻng an ninh: 10 triệu đồng.
11	Phòng Dân tộc		95		156	Rà soát, xác định xã, thôn đặc biệt khó khăn, xã Khu vực I, II: 20 triệu đồng; Rà soát điều chỉnh bổ sung dự án bố trí dân cư, dự án ĐCĐC và kiểm tra đôn đóc việc thực hiện DA ĐCĐC, bố trí dân cư: 20 triệu đồng; Phối hợp rà soát thẩm định, in ấn cấp thẻ BHYT cho các đối tượng vừng khó khăn và vùng đăc biệt khó khăn: 15 triệu đồng; Rà soát bình xét và gặp mặt người có uy tín trong vùng đồng bào Dân tộc thiểu số: 30 triệu đồng; Phối hợp cấp thẻ BHYT cho đồng bào:10tr; Chi người có uy tín (tỉnh cấp mục tiêu): 61 triệu đồng.
12	Phòng Nội vụ		875		830	Chi công tác khen thưởng: 670 triệu đồng; công tác tôn giáo: 80 triệu đồng; công tác giao ban nội vụ, cụm thi đua: 25 triệu đồng; kiểm tra công tác nội vụ: 10 triệu đồng;công tác CCHC và các lớp tập huấn nghiệp vụ: 25 triệu đồng; thiết bị kho lưu trữ: 20 triệu đồng.
13	Ban Tiếp Công dân		120		100	

TT	Nội dung	Dự toán 2018		Dự toán 2019		Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao	Tỉnh giao	Huyện giao	
14	Văn phòng HĐND-UBND huyện		1.519		1.480	Kinh phí đặc thù UBND huyện: 700 triệu đồng; Chi hoạt động của bộ một cửa: 80 triệu đồng; Bảo trì Hệ thống văn bản điều hành và một cửa điện tử: 60 triệu đồng; Thuê máy chủ hệ thống quản lý VBĐH: 60 triệu đồng; Đăng ký mạng dự phòng: 35 triệu đồng; Mua sắm, sửa chữa nhỏ, thuê nhân công duy trì hoạt động nhà khách, nhà trực tuyến: 110 triệu đồng; Trả cước thuê bao internet và nhuận bút cổng thông tin: 185 triệu đồng; Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính: 40 triệu đồng; Hệ thống ISO: 60 triệu đồng; Tổ kiểm tra giờ giấc: 20 triệu đồng; Tập huấn hệ thống quản lý VBĐH: 15 triệu đồng; Tập huấn quản lý trang thông tin điện tử xã, thị trấn: 15 triệu đồng; sữa chữa 2 xe ô tô: 100 triệu đồng.
15	Hội Nông dân		300		220	Thực hiện Kết luận 61 và Quyết định 673-QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ: 150 triệu đồng (xây dựng mô hình: 100 triệu đồng; Quỹ: 50 triệu đồng); Ban chỉ đạo đề án 61: 15 triệu đồng; Chi hoạt động đối thoại với nông dân: 5 triệu đồng; Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức công tác tuyên truyền pháp luật, trợ giúp pháp lý và kỹ năng: 10 triệu đồng; Tổ chức tập huấn về nhân rộng các mô hình, quy trình sản xuất kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn: 10 triệu đồng; Tổ chức tập huấn kiến thức về sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn: 10 triệu đồng; Tổ chức Hội nghị tổng kết giao ban cụm thi đua số 3 gồm 5 huyện (Chư Pưh, Chư Sê, Chư Prong, Ia Grai, Đức Cơ): 10 triệu đồng; Thực hiện chương trình giám sát theo Quyết định 217 của Bộ Chính trị: 10 triệu đồng.
16	Phòng Tài chính-KH		970		320	Nâng cấp sữa chữa hệ thống Ta Bmis: 50 triệu đồng; Ban chỉ đạo xây dựng chỉ tiêu kinh tế xã hội ngân sách: 50 triệu đồng; Chi trả tiền thuê trung tâm dịch vụ bán đấu giá, văn phòng phẩm, tuyên truyền phục vụ tổ chức công tác đấu giá đất theo quy định tại NĐ số 17/NĐ-CP và hoạt động hội đồng phát triển quỹ đất: 100 triệu đồng; Sữa chữa máy phô tô, máy tính và mua sắm tài sản bàn ghế, máy tính làm việc: 70 triệu đồng; In ấn mua phôi vật tư văn phòng để phục vụ công tác cấp Giấy phép kinh doanh: 30 triệu đồng; Tổ chức hội nghị tập huấn công tác ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản, đi kiểm tra các xã, trường học về thực hiện chế độ chính sách: 20 triệu đồng.
17	Công tác xét xử lưu động		50		-	
18	Hội Người cao tuổi		120		101	Tổ chức hội nghị tập huấn kỹ năng công tác chăm sóc phát huy vai trò NCT giai đoạn 2019-2021 kết hợp đăng ký giao ước thi đua công tác hội năm 2019: 15 triệu đồng; Tổ chức Hội nghị sơ kết phong trào thi đua yêu nước tuổi cao gương sáng 5 năm giai đoạn 2013-2019: 15 triệu đồng; Đưa đoàn già làng tiêu biểu dự hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện quyết tâm thư của gia làng Tây nguyên do Trung ương hội NCT Việt Nam tổ chức tại thành phố PleiKu: 6 triệu đồng; Tổ chức sơ kết chương trình công tác hội và phong trào tuổi cao gương sáng 6 tháng đầu năm và đề ra phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018: 15 triệu đồng; Đưa đoàn vận động viên NCT Huyện tham gia thể dục thể thao do Sở VHTT kết hợp với Hội NCT Tỉnh Gia Lai tổ chức tại Nhà thi đấu tỉnh: 15 triệu đồng; Tổ chức Hội nghị Sơ kết giữa nhiệm kỳ 5 năm giai đoạn 2016-2021 Hội Người cao tuổi huyện: 15 triệu đồng; Tổ chức Hội nghị phát động thực hiện Quyết đinh số 544/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tháng 10 tháng hành động NCT Việt Nam: 5 triệu đồng; Tổ chức Hội nghị Tổng kết chương trình công tác hội và phong trào tuổi cao gương sáng năm 2019 và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2020: 15 triệu đồng **(Khi UBND huyện phê duyệt và giao nhiệm vụ sẽ phân bổ kinh phí)**
19	Hội Nạn nhân chất độc da cam		100		50	Khi huyện giao nhiệm vụ sẽ bố trí cấp kinh phí
20	Phòng Tài nguyên MT		79		190	Kiểm tra khoáng sản: 10 triệu đồng; xây dựng bảng giá đất (2020-2024): 100 triệu đồng; Kiểm tra đất nông nghiệp: 10 triệu đồng; Kiểm tra giấy chứng nhận sử dụng đất: 20 triệu đồng; Chi xây dựng giá đất năm 2019: 50 triệu đồng.
21	Thăm đối tượng tết		1.240		1.291	
22	Thanh tra huyện		213		144	Tiền trang phục thanh tra: 26 triệu đồng; công tác phòng chống tham nhũng: 32 triệu đồng; Giải quyết đơn thư khiếu nại: 50 triệu đồng; Thanh tra đột xuất : 36 triệu đồng.
23	Phòng Tư pháp		82		90	Chi công tác chứng thực: 5 triệu đồng; đăng ký quản lý hộ tịch: 10 triệu đồng; Công tác theo dõi thi hành pháp luật: 10 triệu đồng; công tác văn bản chính, đánh giá chỉ số CCHC: 10 triệu đồng; Phổ biến giáo dục PL: 40 triệu đồng; Tổ hòa giải viên cơ sở: 15 triệu đồng.
24	Hội Luật gia		15		10	Khi có nhiệm vụ sẽ đề xuất hỗ trợ kinh phí
25	Chi công tác Đảng các phòng ban	380	380	380	200	
26	Hỗ trợ hoạt động hội doanh nghiệp		50		50	Khi có nhiệm vụ sẽ đề xuất hỗ trợ kinh phí

TT	Nội dung	Dự toán 2018		Dự toán 2019		Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao	Tỉnh giao	Huyện giao	
27	Hiệp hội hồ tiêu		100		104	Khi có nhiệm vụ sẽ đề xuất hỗ trợ kinh phí
28	Ngân hàng chính sách		300		600	
29	Nhà máy nước		443		800	Tổng chi: 1.797 triệu đồng gồm: tiền lương và chi thường xuyên: 683 triệu đồng, Điện bơm nước sạch: 355 triệu, Thuế: 242 triệu đồng, bảo hộ lao động: 57 triệu đồng, mua thiết bị định lượng, máy đo hóa chất:223 triệu đồng, sửa chữa đường ống, máy bơm hàng năm: 150 triệu đồng, mua hóa chất: 87 triệu đồng. Trừ tiền thu để lại (997 triệu) còn lại ngân sách cấp: 800 triệu đồng.
30	Mua sắm tài sản các ngành		958		1.000	
31	Hỗ trợ công tác quản lý bảo vệ rừng		400		-	
32	Xây dựng đề án giao đất, giao rừng		385		-	
33	Diễn tập khu vực phòng thủ	1.000	1.000	-	-	
34	Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO		418		-	
35	Quy hoạch chung thị trấn Nhơn hòa	742	742	-	-	
36	Kinh phí phòng cháy chữa cháy		600		-	
37	Chi kỷ niệm 10 năm thành lập huyện				1.000	Tạm bố trí
38	Phần mềm các đơn vị				600	
39	Đầu tư hệ thống một cửa 04 xã và 01 thị trấn				1.000	
40	Chi thuê đường truyền trực tuyến cho 09 xã, thị trấn				400	
VI	**Chi An ninh-Quốc phòng**	**-**	**4.199**	**-**	**4.074**	
1	An ninh		975		975	Chi phòng chống tội phạm hình sự, ma túy, kinh tế: 286.030.000 đồng; Chi lập hồ sơ đưa đối tượng vào trường giáo dưỡng + cơ sở giáo dục và cơ sở cai nghiện bắt buộc: 20.000.000 đồng; Chi kinh phí phòng chống ma túy (Đội CSĐT): 20.750.000 đồng; Chi tranh thủ tiếp xúc người có uy tín trong DTTS, tranh thủ tiếp xúc LL 03-04 (Đội An ninh): 70.000.000 đồng; Chi tập huấn cho người uy tín do lực lượng công an tranh thủ (Đội An ninh):10.400.000 đồng; Chi bóc gỡ đối tượng FulRo, TLĐG phục hồi + quản lý, giáo dục đối tượng FuLRo, TLĐG tại cộng đồng (Đội An ninh): 92.000.000 đồng; Chi tuyên truyền, hướng dẫn kiểm tra công tác bảo vệ bí mật Nhà nước trên địa bàn huyện (Đội An ninh): 10.000.000 đồng; Chi hội nghị tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện chỉ thị 15, quyết định số 44/QĐ-UBND của UBND tỉnh về công tác QLGD đối tượng FuLRo tại cộng đồng (Đội an ninh): 6.500.000 đồng; Chi phát động phong trào quần chúng BVANTQ (Đội XDPT và PTX về ANTT): 30.000.000 đồng; Chi công tác chuyển hóa, quản lý địa bàn (Đội XDPT và PTX về ANTT): 25.000.000 đồng; Chi thực hiện Thông tư 23/2012/TT-BCA (Đội XDPT và PTX về ANTT): 15.000.000 đồng; Chi tập huấn lực lượng Công an xã (Đội XDPT và PTX về ANTT): 13.855.000 đồng; Cho BCĐ phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân BVANTQ (Đội XDPT và PTX về ANTT): 25.000.000 đồng; Chi quản lý, giáo dục đối tượng tái hòa nhập cộng đồng (Đội XDPT và PTX về ANTT): 20.000.000 đồng; Chi xây dựng 02 mô hình trọng điểm trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm (Đội XDPT và PTX về ANTT): 40.000.000 đồng; Chi in ấn các loại biểu mẫu phục vụ công tác Đăng ký, quản lý cư trú, cấp giấy CMND theo quy định của nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh (Đội QLHC): 21.700.000 đồng; Chi thu gom, phát động thu gom; tiêu hủy VK, VLN, CCHT (Đội QLHC): 15.500.000 đồng; Chi kinh phí phục vụ Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về dân cư (Đội QLHC): 20.950.000 đồng; Kinh phí tổ chức tập huấn, công tác PCCC cho LL PCCC (dân phòng, LL PCCC cơ sở các xã, thị trấn (Đội QLHC): 49.390.000 đồng; Chi kinh phí tuyển công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia CAND (Đội tổng hợp): 20.000.000 đồng; Chi đảm bảo ATGT (Đội CSGT): 100.000.000 đồng; Chi bồi dưỡng cán bộ CS bảo vệ phiên tòa và bảo vệ cưỡng chế (Đội THAHS và HTTP): 20.125.000 đồng; Chi phổ biến giáo dục pháp luật cho người bị tạm giam, tạm giữ (Đội THAHS và HTTP): 10.000.000 đồng; Chi công tác Thi hành án hình sự (Đội THAHS và HTTP): 12.800.000 đồng; Chi công tác tha tù trước thời hạn có điều kiện và tái hòa nhập cộng đồng (Đội THAHS và HTTP): 20.000.000 đồng.

TT	Nội dung	Dự toán 2018		Dự toán 2019		Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao	Tỉnh giao	Huyện giao	
2	Quốc phòng		3.224		3.099	Tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên Chi huấn luyện dự bị động viên: 502.225.000 đồng; Tổ chức hoạt động của LLDQTV theo quy định tại Luật Dân quân tự vệ và Nghị định 03/2016/NĐ-CP: 1.693.855.800 đồng; Thực hiện nhiệm vụ Hậu cần tại chỗ, chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương: 171.200.000 đồng; Tổ chức thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân: 195.000.000 đồng; Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ, công chức lãnh đạo chủ chốt: 20.000.000 đồng; Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ các mục tiêu chính trị, kinh tế, xã hội và các công trình và các công trình quốc phòng, khu quân sự theo phân cấp: 336.448.000 đồng; Các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng: 180.760.000 đồng;
VII	**Chi ngân sách xã**		**46.232**		**51.655**	Trong đó: bố trí trả nợ tiền lương còn thiếu năm 2016: 920 triệu đồng;
XIII	**Tiết kiệm 10% chi thường xuyên CCTL**		**589**		-	Năm 2019 giao về cho các xã, thị trấn, các đơn vị
IX	**Chi các nhiệm vụ phát sinh đột xuất**		**363**		**639**	
C	**Dự kiến chi từ nguồn tăng thu**		**2.300**		**1.056**	
1	Chi 50% thực hiện CCTL		1.150		500	
2	Khi có số tăng thu sẽ phân bổ		1.150		500	
3	Tăng thu phạt ATGT xã, thị trấn				56	(đã giao thu cho các xã, thị trấn) Xã, thị trấn hưởng
D	**Chi dự phòng ngân sách**	**5.728**	**5.728**	**6.400**	**6.400**	
1	Dự phòng huyện		4.728		5.338	Có bố trí kinh phí đối ứng phát triển chăn nuôi nông hộ: 134 triệu đồng
2	Dự phòng xã		1.000		1.062	cấp về 09 xã, thị trấn
E	**Quản lý quan ngân sách**	-	**650**	-	-	
1	Học phí					
2	Chi công tác xử lý vi pham lâm luật và phòng chống cháy rừng		650			
3	Các khoản thông qua ngân sách khác					
F	**Kinh phí hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa**	**2.844**	**2.844**	**2.844**	**2.844**	Phân bổ về cho Ban quản lý các DA đầu tư xây dưng cơ bản huyện